	Lang.	Question	Schema with Augmentation
	English	Return the record companies of orchestras, sorted descending by the years in which they were founded.	year of founded {established year, the year of foundation},
	German	Geben Sie die Plattenfirmen von Orchestern zurück, absteigend sortiert nach den Jahren ihrer Gründung.	<b>Gründungsjahr</b> {jahr der grundlage, jahr der gründung},
	French	Listez les maisons de disques des orchestres, triées par ordre décroissant des années de leur création.	année de foundation {année de creation},
	Spanish	¿Cuáles son las compañías discográficas de las orquestas en orden descendente de años de fundación?	año de fundación {Año Establecido, año de creación},
	Chinese	返回按创立年份降序排列的乐团唱片公司的名称。	成立年份{创立之年,建立之年},…
	Japanese	創設年の降順でオーケストラのレ コード会社を並べる。	<b>創設年</b> { <i>創業年, 設立年</i> },
	Vietnam	Liệt kê các công ty thu âm của các dàn nhạc theo thứ tự giảm dần về năm mà từng công ty được thành lập .	năm thành lập {năm sáng tạo},

SQL: SELECT Record\_Company FROM orchestra ORDER BY Year\_of\_Founded DESC

SQL: SELECT レコード・レーベル FROM オーケストラ ORDER BY 創設年 DESC